



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Long, ngày tháng năm 2024

ĐỀ ÁN

Mở rộng địa giới hành chính thị xã Bình Long làm cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện thuộc tỉnh Bình Phước và điều chỉnh địa giới hành chính một số xã, phường, thành lập các phường thuộc thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước

(phục vụ công tác lấy ý kiến cử tri)

I. SỰ CẦN THIẾT MỞ RỘNG ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH THỊ XÃ BÌNH LONG VÀ ĐIỀU CHỈNH, THÀNH LẬP PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ BÌNH LONG

1. Sự cần thiết mở rộng thị xã Bình Long

1.1. Mở rộng địa giới ĐVHC thị xã nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030

Việc mở rộng địa giới ĐVHC thị xã nhằm cụ thể hóa chủ trương của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết của Chính phủ về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương và của tỉnh Bình Phước. Thị xã Bình Long có 126,41 km² diện tích tự nhiên (đạt 63,21% tiêu chuẩn theo quy định), dân số là 68.872 người (đạt 68,87% tiêu chuẩn theo quy định), thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025. Theo đó, thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 đối với thị xã Bình Long, thị xã Chơn Thành và huyện Hớn Quản.

1.2. Mở rộng địa giới ĐVHC thị xã xuất phát từ yêu cầu thực tiễn phát triển đô thị thuộc tỉnh Bình Phước

a) Đối với tỉnh Bình Phước

Mục tiêu phát triển đô thị của tỉnh Bình Phước đề ra: Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt tối thiểu 42%, đến năm 2030 đạt trên 50%. Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên đạt khoảng 1,8 - 2,0% vào năm 2025 và đến năm 2030 đạt khoảng 2,0 - 2,3%; số lượng đô thị toàn tỉnh đến năm 2025 khoảng 18 đô thị, đến năm 2030 khoảng 22 đô thị. Đến năm 2025, 100% các đô thị hiện có và đô thị mới có quy hoạch tổng thể, quy hoạch phân khu, chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị; bảo đảm tối thiểu 100% đô thị loại III trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hóa cấp đô thị; tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 22 - 24% vào năm 2025 và 24 - 26% vào năm 2030. Diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt khoảng 6 - 8m² vào năm 2025, khoảng 8 - 10m² vào năm 2030; diện tích sàn

nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đạt tối thiểu 30m² vào năm 2025, đến năm 2030 đạt tối thiểu 32m².

b) Đối với thị xã Bình Long và huyện Hớn Quản

Giai đoạn 2026 - 2030, đầu tư phát triển đô thị Bình Long hướng đến là đô thị loại III; Tân Khai, huyện Hớn Quản và đô thị Đồng Phú hướng đến là đô thị loại IV. Theo trục Quốc lộ 13, đô thị Bình Long là hạt nhân phát triển của vùng đô thị động lực phía Tây, ưu tiên phát triển đô thị Hớn Quản và Bình Long, các cụm công nghiệp trong vùng, khu Kinh tế Hoa Lư tại Lộc Ninh.

Để hoàn thành mục tiêu phát triển đô thị của tỉnh Bình Phước và thị xã nêu trên thì việc mở rộng địa giới ĐVHC thị xã trên cơ sở sắp xếp ĐVHC cấp huyện thuộc tỉnh Bình Phước là cần thiết.

1.3. Mở rộng địa giới ĐVHC thị xã nhằm đáp ứng yêu cầu thực trạng và định hướng phát triển thị xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

a) Về thực trạng phát triển kinh tế và đô thị hóa trên địa bàn

Giai đoạn 2021 - 2023, kinh tế thị xã Bình Long tiếp tục phát triển, bình quân đạt 9,76%/năm; cơ cấu chuyển dịch đúng hướng; tiềm năng, lợi thế được khai thác, phát huy có hiệu quả, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế của địa phương. Năm 2023, giá trị sản phẩm trên địa bàn đạt 10.608,74 tỷ đồng, tăng 11,27% so với năm 2022. Trong đó, công nghiệp - xây dựng chiếm 45,25%; thương mại - dịch vụ chiếm 46,07%; nông - lâm nghiệp chiếm 8,68% trong cơ cấu kinh tế của thị xã. Thực hiện Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, nhiều công trình trọng điểm về giao thông đã hoàn thành và đưa vào sử dụng góp phần thay đổi diện mạo của thị xã theo hướng văn minh hiện đại, tạo động lực phát triển mới cho thị xã; tập trung nguồn lực đầu tư cho hạ tầng giáo dục - đào tạo nhằm đáp ứng tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia; nâng cấp, mở rộng Trung tâm y tế thị xã nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân trong vùng.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, thời gian qua thị xã Bình Long gặp một số khó khăn, bất cập cần tập trung giải quyết đó là sự thiếu đồng bộ, thiếu sự gắn kết giữa khu vực trung tâm với khu vực ngoại thị; thiếu cơ sở dịch vụ, hạ tầng, nhiều khu ở bị xuống cấp, điều kiện sống chật hẹp, thiếu không gian công cộng, môi trường bị ô nhiễm. Đồng thời, để thực hiện các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì việc nhập 10 xã, thị trấn thuộc huyện Hớn Quản về thị xã Bình Long quản lý là cần thiết.

b) Định hướng phát triển thị xã Bình Long

Tại Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định mục tiêu đến năm 2030 Bình Phước trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững, là “điểm đến hấp dẫn” của Vùng Đông Nam bộ, có quy mô kinh tế khá dựa trên xây dựng đồng bộ nền tảng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phát triển các cụm ngành có tiềm năng tạo

nhiều việc làm có thu nhập và nguồn thu ngân sách; nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới với đô thị; tăng cường kết nối vùng thông qua phát triển hệ thống hạ tầng trọng yếu; hoàn thành chính quyền điện tử, từng bước chuyển dần sang chính quyền số; đảm bảo quốc phòng - an ninh vững chắc; xây dựng tổ chức Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Trong đó, thị xã Bình Long cùng với thành phố Đồng Xoài, thị xã Phước Long và thị xã Chơn Thành là các trung tâm kinh tế, trung tâm công nghiệp - đô thị - dịch vụ và là tam giác phát triển của tỉnh.

Như vậy, thị xã Bình Long có vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh của tỉnh Bình Phước nói riêng và vùng Đông Nam bộ nói chung. Việc phát triển thị xã Bình Long có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển, ổn định của vùng Đông Nam bộ.

c) Mối quan hệ giữa thị xã Bình Long và huyện Hớn Quản

Huyện Hớn Quản có 664,14 km² diện tích tự nhiên, dân số là 116.262 người; có 13 xã, thị trấn. Những năm qua, nhiều yếu tố kinh tế - xã hội, nhiều chương trình phát triển mới trên địa bàn kết hợp với các chính sách, pháp luật của nhà nước về phát triển kinh tế, kêu gọi đầu tư... đã tác động tích cực đến kinh tế - xã hội, phát triển đô thị và kết cấu hạ tầng của huyện Hớn Quản. Thị xã Bình Long và huyện Hớn Quản có tuyến đường Quốc lộ 13 từ TP.HCM, Bình Dương đến huyện Lộc Ninh kết nối với Vương quốc Campuchia cùng nhiều tuyến đường nội thị gắn với các trục giao thông chính tạo thành mạng lưới giao thông thuận lợi. Tương lai có tuyến đường sắt xuyên Á (Dĩ An - Lộc Ninh - Campuchia). Từ thị xã Bình Long và Hớn Quản có thể đi lại, vận chuyển hàng hóa đến tất cả các vùng kinh tế trong cả nước, đây chính là điều kiện cho phép đẩy nhanh quá trình mở cửa, hòa nhập với sự phát triển kinh tế bên ngoài.

1.4. Đối với các xã, thị trấn thuộc huyện Hớn Quản dự kiến nhập về thị xã Bình Long

09 xã và 01 thị trấn dự kiến chuyển về để mở rộng thị xã Bình Long có 516,28/664,14 km² diện tích tự nhiên; dân số là 92.869/116.262 người. Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hớn Quản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định huyện Hớn Quản thuộc vùng đệm cho tam giác phát triển Bình Long - Đồng Xoài - Đồng Phú. Thị trấn Tân Khai và các xã: Thanh Bình, Thanh An, An Khương, Tân Hưng, An Phú, Minh Tâm, Minh Đức, Tân Lợi, Phước An; địa hình không có núi cao, chỉ có một số ngọn đồi thấp, thoải; đất đai chủ yếu là đất bazan thích hợp với cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như cao su, tiêu, điều, cà phê,...; có nguồn khoáng sản dồi dào như đá vôi, đất sét, cát - đá xây dựng là nguyên liệu cho công nghiệp xây dựng. Như vậy, vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên của các xã, thị trấn thuộc huyện Hớn Quản là điều kiện thuận lợi cho phát triển mở rộng thị xã Bình Long với quỹ đất dành cho phát triển công nghiệp, đô thị dồi dào; có vai trò giảm các áp lực về đô thị, môi trường, giữ gìn các không gian xanh, quỹ đất dự trữ, phát triển công nghiệp, đô thị, thương mại - dịch vụ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ.

2. Sự cần thiết điều chỉnh địa giới hành chính phường, xã và thành lập phường thuộc thị xã Bình Long mở rộng

2.1. Sắp xếp ĐVHC cấp xã, thành lập ĐVHC đô thị cùng cấp thuộc thị xã Bình Long nhằm thực hiện chủ trương về sắp xếp ĐVHC của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ. Trong đó quy định, các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thuộc diện sắp xếp và khuyến khích sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025, gồm: ĐVHC cấp huyện, cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% tiêu chuẩn; ĐVHC cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn. Khuyến khích việc sắp xếp các ĐVHC không thuộc diện sắp xếp để giảm số lượng ĐVHC, tăng quy mô ĐVHC, tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước và đời sống của Nhân dân.

3.2. Đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và quản lý hành chính lãnh thổ

Điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính giữa phường Hưng Chiến và phường Phú Đức; giữa xã Thanh Phú và phường An Lộc và giữa xã Thanh Phú và phường Phú Thịnh nhằm giải quyết bất cập về địa giới đơn vị hành chính các cấp, tạo thuận lợi cho việc đi lại của người dân và trong công tác quản lý hành chính lãnh thổ của chính quyền địa phương các cấp, cụ thể như sau:

a) Giữa phường Hưng Chiến và phường Phú Đức

Khu phố Đông Phát của phường Hưng Chiến nằm ở phía Đông của Quốc lộ 13 và tiếp giáp với phường Phú Đức, thị xã Bình Long và xã Thanh Bình, huyện Hớn Quản; cách trụ sở Ủy ban nhân dân phường Hưng Chiến trên 10km, khó khăn cho việc quản lý nhà nước về dân cư và công tác đảm bảo an ninh trật tự xã hội, không thuận tiện cho Nhân dân liên hệ giải quyết các thủ tục hành chính. Vì vậy, việc nhập khu phố Đông Phát vào phường Phú Đức để đảm bảo nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và thuận tiện cho người dân khu phố Đông Phát.

b) Giữa xã Thanh Phú và phường An Lộc

Tại thời điểm chôn mốc giới 3 mặt có số hiệu (TP-PT-AL) 03X.1 đường nhựa Nguyễn Thái Học chưa được hình thành, chỉ là đường mòn (đường xe bò), phần diện tích tự nhiên 0,003km² thuộc xã Thanh Phú nằm ở phía Bắc của đường mòn. Hiện nay, sau khi đường nhựa Nguyễn Thái Học được mở, phần diện tích tự nhiên này thuộc xã Thanh Phú lại nằm ở phía Nam của đường Nguyễn Thái Học cách mốc giới 3 mặt có số hiệu (TP-PT-AL) 03X.1 khoảng 40m, gây khó khăn cho công tác quản lý địa giới hành chính và mốc giới hành chính của Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú và Ủy ban nhân dân phường An Lộc. Do đó, việc tách phần địa giới hành chính thuộc xã Thanh Phú từ phía Nam đường Nguyễn Thái Học tới mốc giới 3 mặt có số hiệu (TP-PT-AL) 03X.1 để sáp nhập vào phường An Lộc là phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay, tạo

điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý địa giới hành chính và mốc giới hành chính của Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú và Ủy ban nhân dân phường An Lộc.

c) Giữa xã Thanh Phú và phường Phú Thịnh

Điều chỉnh 2,7 km² diện tích tự nhiên, dân số 1.154 người (bao gồm toàn bộ ấp Phú Lạc) của xã Thanh Phú sáp nhập vào phường Phú Thịnh để phường Phú Thịnh có diện tích tự nhiên là 6,64 km² đảm bảo đạt đủ tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên theo quy định; đồng thời, việc điều chỉnh địa giới hành chính này phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay, đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

II. ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN ĐỂ MỞ RỘNG THỊ XÃ BÌNH LONG, PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ BÌNH LONG

1. Điều kiện mở rộng thị xã Bình Long và điều chỉnh địa giới hành chính, thành lập phường thuộc thị xã Bình Long

Việc mở rộng thị xã Bình Long và điều chỉnh địa giới hành chính, thành lập phường thuộc thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước đã bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 128 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, cụ thể là:

- a) Bảo đảm phù hợp với Quy hoạch.
- b) Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền.
- c) Góp phần củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.
- d) Phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa.
- đ) Đáp ứng các tiêu chuẩn của thị xã sau khi được mở rộng.

2. Đánh giá các tiêu chuẩn thị xã Bình Long mở rộng

a) Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số đô thị

Quy định từ 100.000 người trở lên.

Quy mô dân số tính đến ngày 31/12/2023 của thị xã Bình Long mở rộng là 163.005 (thị xã Bình Long là 70.136 người và 10 xã, thị trấn của huyện Hớn Quản là 92.869 người).

Đánh giá: Đạt

b) Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

Quy định từ 200km² trở lên.

Thị xã có diện tích tự nhiên là 642,69 km². Trong đó, đất nông nghiệp là 565,81 km², chiếm 88,04%; đất phi nông nghiệp là 76,81 km², chiếm 11,95%; đất chưa sử dụng là 0,71 km², chiếm 0,01%.

Đánh giá: Đạt.

c) Tiêu chuẩn 3: Số đơn vị hành chính trực thuộc.

* Số đơn vị hành chính trực thuộc

- Quy định từ 10 đơn vị trở lên.

- Thị xã Bình Long mở rộng có 16 đơn vị hành chính trực thuộc.

Đánh giá: Đạt.

* Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính

- Quy định từ 50% trở lên.

- Thị xã có 07 phường trên 16 đơn vị hành chính, bằng 43,75%. Áp dụng khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15: Trường hợp sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã mà giảm được số lượng ĐVHC thì không áp dụng tiêu chuẩn về đơn vị hành chính trực thuộc đối với đơn vị hành chính cấp huyện hình thành sau sắp xếp.

Đánh giá: Đạt.

d) Tiêu chuẩn 4: Phân loại đô thị

- Quy định từ loại III hoặc loại IV.

- Theo đánh giá sơ bộ thị xã Bình Long mở rộng đạt đủ các tiêu chí của đô thị loại IV. Theo đó, phạm vi phân loại đô thị loại IV (toàn bộ thị xã Bình Long và 10 xã, thị trấn của huyện Hớn Quản) phù hợp với ranh giới đơn vị hành chính của thị xã mở rộng.

Đánh giá : Đạt tiêu chí đô thị loại IV.

đ) Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội.

* Tiêu chí 1: Cân đối thu chi ngân sách

- Quy định: Đủ

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn thị xã Bình Long mở rộng năm 2023 đạt 2.924 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách là 2.433 tỷ đồng.

Cân đối: dư.

Đánh giá: Đạt.

* Tiêu chí 2: Thu nhập bình quân đầu người/năm so với cả nước.

- Quy định đạt từ 0,7 lần so với bình quân chung của cả nước.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 của thị xã Bình Long mở rộng đạt 75 triệu/người/năm (T1). Thu nhập bình quân đầu người của cả nước năm 2023 đạt 59,4 triệu/người/năm (T2). Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước năm 2023 (T) được xác định theo công thức sau: $T = T1/T2 = 75/59,4 = 1,26$ (lần).

Đánh giá: Đạt.

* Tiêu chí 3: Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất.

- Quy định bằng bình quân 03 năm (2021-2023) của tỉnh Bình Phước là 7,60% (năm 2021 là 5,35%; năm 2022 là 9,1%; năm 2023 là 8,34%).

- Mức tăng trưởng kinh tế bình quân 03 năm (2021-2023) của thị xã Bình Long mở rộng là 11,41% (năm 2021 là 11,52%; năm 2022 là 10,64%; năm 2023 là 12,08%).

Đánh giá: Đạt.

* Tiêu chí 4: Tỷ lệ hộ nghèo 3 năm gần nhất.

- Quy định đạt bình quân 03 năm (2021-2023) của tỉnh Bình Phước là 0,78% (năm 2021 là 0,91%; năm 2022 là 1,03%, năm 2023 là 0,40%).

- Tỷ lệ hộ nghèo 3 năm gần nhất (2021-2023) của thị xã Bình Long mở rộng (gồm 04 phường, 01 thị trấn và 11 xã) là 1,22% (năm 2021 là 0,85%; năm 2022 là 1,84%; năm 2023 là 0,96%).

Đánh giá: Không đạt.

* Tỷ trọng phi nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế.

- Quy định từ 75% trở lên

- Tỷ trọng phi nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế của thị xã Bình Long mở rộng là 73,56% (gồm: nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 26,44%; công nghiệp - xây dựng chiếm 33,12%; thương mại - dịch vụ chiếm 40,44%).

Đánh giá: Không đạt.

* Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị.

- Quy định từ 75% trở lên.

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp năm 2023 của thị xã Bình Long mở rộng là 60,78%.

Đánh giá: Không đạt.

Như vậy, thị xã Bình Long mới đạt đủ 4/5 tiêu chuẩn của thị xã theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15).

3. Đánh giá các tiêu chuẩn của ĐVHC sau điều chỉnh địa giới hành chính và dự kiến thành lập phường mới

3.1. Phường Tân Khai

a) Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.

- Thị trấn Tân Khai có 15.812 người.

Đánh giá: Đạt.

b) Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km².

- Thị trấn Tân Khai 42,73 km².

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội.

- Cân đối thu chi ngân sách: Tổng giao thu ngân sách trên địa bàn thị trấn năm 2023 đạt 9,19 tỷ đồng, đạt 97,78%; tổng giao chi ngân sách là 9,19 tỷ đồng, đạt 97,78% dự toán huyện giao và HĐND thị trấn giao.

- Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (2021 - 2023): tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm 2021 - 2023 của thị trấn là 0,22% (năm 2021 là 0,30%; năm 2022 là 0,24%; năm 2023 là 0,12%).

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: Thị trấn Tân Khai có 10.978 người ở độ tuổi lao động, gồm lao động phi nông nghiệp 9.145 người, lao động nông nghiệp 1.833 người; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 83,3%.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Thị trấn đạt 12/13 tiêu chí về trình độ phát triển hạ tầng để thành lập phường thuộc thị xã (có biểu phụ lục kèm theo).

Như vậy, thị trấn đạt đủ 04/04 tiêu chuẩn của phường thuộc thị xã quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15).

3.2. Phường Thanh Bình

a) Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.

- Xã Thanh Bình có 5.136 người.

Đánh giá: Đạt.

b) Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km².

- Xã Thanh Bình 11,47 km².

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội.

- Cân đối thu chi ngân sách:

Đánh giá:

- Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (2021 - 2023): xã Thanh Bình hiện có 4/1.198 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 0,33%; tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm 2021-2023 của xã là 0,53% (năm 2021 là 0,83%; năm 2022 là 0,82%; năm 2023 là 0,33%).

Đánh giá : Đạt

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: Xã Thanh Bình có 3.684 người trong độ tuổi lao động, gồm lao động phi nông nghiệp 1.423 người, lao động nông nghiệp 1.883 người; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 51,11 %.

Đánh giá: Không đạt

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Xã Thanh Bình đạt 10/13 tiêu chí về trình độ phát triển hạ tầng để thành lập phường thuộc thị xã (có biểu phụ lục kèm theo).

Đánh giá: Đạt

Như vậy, xã Thanh Bình đạt đủ 03/04 tiêu chuẩn của phường thuộc thị xã quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15).

3.3. Phường Thanh Phú

a) Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.

- Xã Thanh Phú có 11.363 người.

Đánh giá: Đạt.

b) Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km².

- Xã Thanh Phú 32,21 km².

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội.

- Cân đối thu chi ngân sách: Thu, chi ngân sách trên địa bàn Tổng thu ngân sách năm 2023 đạt 14,05 tỷ đồng, chi ngân sách thực hiện 14,05 tỷ đồng.

Đánh giá: Đạt

- Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (2021 - 2023): xã Thanh Phú hiện có 4/1.198 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 0,33%; tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm 2021 - 2023 của xã là 0,53% (năm 2021 là 0,83%; năm 2022 là 0,82%; năm 2023 là 0,33%).

Đánh giá: Đạt

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: Xã Thanh Phú có 5.334 lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế; trong đó, lao động phi nông nghiệp là 3.192 người, chiếm tỷ lệ 59,84%.

Đánh giá: Không đạt

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Xã Thanh Phú đạt 12/13 tiêu chí về trình độ phát triển hạ tầng để thành lập phường thuộc thị xã.

Đánh giá: Đạt

Như vậy, xã Thanh Phú đạt đủ 03/04 tiêu chuẩn của phường thuộc thị xã quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15).

3.4. Phường Phú Đức

a) Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên
- Phường Phú Đức có quy mô dân số là 5.966 người (đạt tỷ lệ 119,32%).

b) Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km².
- Phường Phú Đức có diện tích tự nhiên 6,05 km² (đạt tỷ lệ 110%).

3.5. Phường Hưng Chiến

a) Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên
- Phường Hưng Chiến có quy mô dân số 12.877 người (đạt tỷ lệ 257,54%).

b) Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km².
- Phường Hưng Chiến có diện tích tự nhiên 22,88 km² (đạt tỷ lệ 416%).

3.6. Phường An Lộc

a) Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên
- Phường An Lộc có quy mô dân số 16.403 người (đạt tỷ lệ 328,06%).

b) Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km².
- Phường An Lộc có diện tích tự nhiên 8,74 km² (đạt tỷ lệ 158,90%).

3.7. Phường Phú Thịnh

a) Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên
- Phường Phú Thịnh có quy mô dân số 8.582 người (đạt tỷ lệ 171,64%).

b) Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km².
- Phường Phú Thịnh có diện tích tự nhiên 6,64 km² (đạt tỷ lệ 102,73%).

III. PHƯƠNG ÁN MỞ RỘNG ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH THỊ XÃ BÌNH LONG VÀ ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH, THÀNH LẬP PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ BÌNH LONG

1. Hiện trạng tỉnh Bình Phước, thị xã Bình Long, huyện Hớn Quản và các đơn vị hành chính liên quan.

1.1. Hiện trạng tỉnh Bình Phước

Theo số liệu thống kê, tính đến ngày 31/12/2023, tỉnh Bình Phước 6.873,56 km² diện tích tự nhiên, dân số 1.177.635 người, có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 01 thành phố, 03 thị xã và 07 huyện; 111 đơn vị hành chính cấp xã gồm 20 phường, 05 thị trấn, 86 xã).

1.2. Hiện trạng thị xã Bình Long

a) Thuộc khu vực: có yếu tố đặc thù.

b) Diện tích tự nhiên: 126,41 (km²)

c) Quy mô dân số: 70.136 (người).

d) Số dân là người dân tộc thiểu số (6.450 người; chiếm tỷ lệ 9,20%).

đ) Số ĐVHC trực thuộc: Có 06 đơn vị, gồm 04 phường: Hưng Chiến, An Lộc, Phú Thịnh, Phú Đức và 02 xã: Thanh Lương, Thanh Phú

e) Các chính sách đặc thù đang hưởng (thống kê đầy đủ, chi tiết các chính sách đặc thù hiện hưởng nếu có)

g) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Huyện Lộc Ninh và huyện Hớn Quản.

1.3. Hiện trạng huyện Hớn Quản

a) Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

b) Diện tích tự nhiên: 664,14 (km²)

c) Quy mô dân số: 116.262 (người)

d) Số dân là người dân tộc thiểu số (24.733 người; chiếm tỷ lệ 21,27%).

đ) Số ĐVHC trực thuộc: 13 đơn vị, gồm thị trấn Tân Khai và các xã: Thanh An, An Khương, Minh Đức, Minh Tâm, Tân Lợi, Phước An, Tân Hưng, Thanh Bình, An Phú, Đồng Nơ, Tân Hiệp, Tân Quan.

e) Các chính sách đặc thù đang hưởng (thống kê đầy đủ, chi tiết các chính sách đặc thù hiện hưởng nếu có)

g) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Thị xã Chơn Thành, thị xã Bình Long; các huyện Lộc Ninh, Bù Gia Mập, Đồng Phú và tỉnh Tây Ninh.

1.4. Các xã, thị trấn của huyện Hớn Quản dự kiến chuyển về thị xã Bình Long và thành lập phường thuộc thị xã Bình Long

a) Các xã, thị trấn thuộc huyện Hớn Quản dự kiến chuyển về thị xã Bình Long

- Thị trấn Tân Khai có 42,73 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số 15.812 người.

- Xã Thanh An có 62,32 km² diện tích tự nhiên, dân số 11.529 người;
- Xã An Khương có 45,95 km² diện tích tự nhiên, dân số 7.670 người;
- Xã Minh Đức có 52,93 km² diện tích tự nhiên, dân số 5.609 người;
- Xã Minh Tâm có 72,95 km² diện tích tự nhiên, dân số 5.386 người;
- Xã Tân Lợi có 45,85 km² diện tích tự nhiên, dân số 8.077 người;
- Xã Phước An có 44,46 km² diện tích tự nhiên, dân số 9.110 người;
- Xã Tân Hưng có 96,39 km² diện tích tự nhiên, dân số 11.640 người;
- Xã Thanh Bình có 11,47 km² diện tích tự nhiên, dân số 5.136 người;
- Xã An Phú có 41,23 km² diện tích tự nhiên, dân số 4.894 người.

b) Các xã, phường thuộc thị xã Bình Long dự kiến điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính và thành lập phường

- Phường Hưng Chiến có 24,88 km² diện tích tự nhiên, dân số 13.549 người

- Phường Phú Đức có 4,05 km² diện tích tự nhiên, dân số 5.294 người
- Phường An Lộc có 8,74 km² diện tích tự nhiên, dân số 16.394 người
- Phường Phú Thịnh có 3,94 km² diện tích tự nhiên, dân số 7.428 người
- Xã Thanh Phú có 32,21 km² diện tích tự nhiên, dân số 11.363 người.

2. Phương án mở rộng địa giới hành chính thị xã Bình Long và điều chỉnh địa giới hành chính, thành lập phường thuộc thị xã Bình Long

2.1. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện để mở rộng ĐGHC thị xã Bình Long

a) Điều chỉnh một phần diện tích của huyện Hớn Quản, gồm 09 xã và 01 thị trấn: Tân Khai, An Phú, Minh Tâm, Minh Đức, Thanh Bình, Phước An, Tân Lợi, Tân Hưng, An Khương, Thanh An với tổng diện tích tự nhiên là 516,28km², quy mô dân số là 92.869 người vào thị xã Bình Long có diện tích tự nhiên là 126,41 km², quy mô dân số là 70.136 người để hình thành đơn vị hành chính thị xã Bình Long có diện tích tự nhiên là 642,69 km², quy mô dân số là 163.005 người.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

b) Kết quả sau điều chỉnh địa giới ĐVHC thì thị xã Bình Long có:

- Diện tích tự nhiên 642,69 km² (đạt 321,3% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 163.005 người (đạt 163,05%% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số (27.245 người; chiếm tỷ lệ 16,71%).
- Số ĐVHC trực thuộc: 16.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: thị xã Chơn Thành; các huyện: Lộc Ninh, Phú Riềng, Đồng Phú.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: thị trấn Tân Khai (Trung tâm Hành chính của huyện Hớn Quản hiện nay).

c) Kết quả sau sắp xếp thị huyện Hớn Quản còn lại có (dự kiến chuyển về thị xã Chơn Thành):

- Diện tích tự nhiên 147,86 km² (đạt 32,86% so với tiêu chuẩn)
- Quy mô dân số 23.393 người (đạt 19,5% so với tiêu chuẩn)
- Số dân là người dân tộc thiểu số (3.938 người; chiếm tỷ lệ 16,84%).

2.2. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã và thành lập phường thuộc thị xã Bình Long mở rộng

a) Điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính giữa phường Hưng Chiến và phường Phú Đức

Điều chỉnh 02km² diện tích tự nhiên, dân số 672 người (bao gồm toàn bộ khu phố Đông Phát) của phường Hưng Chiến (có 24,88 km² diện tích tự nhiên, đạt 452,36% tiêu chuẩn; dân số 13.549 người, đạt 270,98% tiêu chuẩn) để sáp nhập vào phường Phú Đức (có 4,05 km² diện tích tự nhiên, đạt 73,64% tiêu chuẩn; dân số 5.294 người, đạt 105,88% tiêu chuẩn).

- Phường Phú Đức có:

- + Diện tích tự nhiên 6,05 km² (đạt tỷ lệ 110%).
- + Dân số 5.966 người (đạt tỷ lệ 119,32%).

- Phường Hưng Chiến còn lại:

- + Diện tích tự nhiên 22,88 km² (đạt tỷ lệ 416%)
- + Dân số 12.877 người (đạt tỷ lệ 257,54%).

b) Điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính giữa xã Thanh Phú và phường An Lộc

Điều chỉnh 0,003 km² diện tích tự nhiên (0,3 ha), dân số 09 người thuộc một phần địa giới hành chính của ấp Phú Long, xã Thanh Phú (có 32,21 km² diện tích tự nhiên, dân số 11.363 người) để sáp nhập vào phường An Lộc (có 8,74 km² diện tích tự nhiên, dân số 16.394 người).

- Phường An Lộc có

- + Diện tích tự nhiên 8,74 km² (đạt tỷ lệ 158,90%).
- + Dân số 16.403 người (đạt tỷ lệ 328,06%).

c) Điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính giữa xã Thanh Phú và phường Phú Thịnh

Điều chỉnh 2,7km² diện tích tự nhiên, dân số 1.154 người (bao gồm toàn bộ ấp Phú Lạc) của xã Thanh Phú (có 32,21 km² diện tích tự nhiên, dân số

11.363 người) để sáp nhập vào phường Phú Thịnh (có 3,94 km² diện tích tự nhiên, dân số 7.428 người).

- Phường Phú Thịnh có

+ Diện tích tự nhiên 6,64 km² (đạt tỷ lệ 102,73%)

+ Dân số 8.582 người (đạt tỷ lệ 171,64%).

- Xã Thanh Phú còn lại:

+ Diện tích tự nhiên 29,51 km² (đạt tỷ lệ 536,54%).

+ Dân số 10.200 người (đạt tỷ lệ 204%).

d) Thành lập phường Tân Khai trên cơ sở nguyên trạng 42,73 km² diện tích tự nhiên, dân số 15.812 người của thị trấn Tân Khai.

đ) Thành lập phường Thanh Bình trên cơ sở nguyên trạng 11,47 km² diện tích tự nhiên, dân số 5.136 người của xã Thanh Bình.

e) Thành lập phường Thanh Phú trên cơ sở 29,51 km² diện tích tự nhiên, 10.200 người (còn lại) của xã Thanh Phú.

3. Kết quả sau khi mở rộng địa giới hành chính thị xã Bình Long và điều chỉnh địa giới hành chính, thành lập phường thuộc thị xã Bình Long

3.1. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã trước khi sắp xếp

a) ĐVHC cấp huyện 11 đơn vị (gồm 07 huyện, 03 thị xã, 01 thành phố)

b) ĐVHC cấp xã 111 đơn vị (gồm 86 xã, 20 phường, 05 thị trấn)

3.2. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã sau khi sắp xếp

a) ĐVHC cấp huyện 10 đơn vị (gồm 06 huyện, 03 thị xã, 01 thành phố)

b) ĐVHC cấp xã 110 đơn vị (gồm 83 xã, 23 phường, 04 thị trấn)

3.3. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã giảm do sắp xếp

a) ĐVHC cấp huyện giảm 01 đơn vị (gồm huyện Hớn Quản)

b) ĐVHC cấp xã giảm 01 đơn vị (gồm 01 xã sau khi sáp nhập Tân Quan với Quang Minh)

IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ.

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

1.1. Nguyên tắc sắp xếp

a) Việc sắp xếp, kiện toàn các cơ quan, tổ chức của chính quyền địa phương khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phải bảo đảm nguyên

tác thống nhất và gắn với việc sắp xếp tổ chức Đảng và tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

b) Việc tổ chức chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp được thực hiện như sau: Tổ chức chính quyền địa phương và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thị xã thực hiện theo quy định tại Điều 136 và Điều 137 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị.

c) Khóa của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp được xác định như sau: Khóa của Hội đồng nhân dân ở thị xã tiếp tục tính theo khóa của Hội đồng nhân dân thị xã trước khi mở rộng.

d) Việc tổ chức các cơ quan thuộc Hội đồng nhân dân, các cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện ở đơn vị hành chính sau sắp xếp được thực hiện như sau:

- Tiến hành nhập nguyên trạng các Ban của Hội đồng nhân dân thị xã và huyện có cùng chức năng, nhiệm vụ với nhau. Trường hợp nhập đơn vị hành chính cấp huyện có tổ chức Ban Dân tộc thuộc Hội đồng nhân dân cấp huyện với đơn vị hành chính cấp huyện không tổ chức Ban Dân tộc thuộc Hội đồng nhân dân cấp huyện thì khi hình thành đơn vị hành chính cấp huyện mới vẫn tổ chức Ban Dân tộc thuộc Hội đồng nhân dân cấp huyện cho đến khi hết nhiệm kỳ. Việc tổ chức Ban Dân tộc thuộc Hội đồng nhân dân cấp huyện nhiệm kỳ tiếp theo thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn, điều kiện thành lập Ban Dân tộc thuộc Hội đồng nhân dân cấp huyện.

- Tiến hành nhập nguyên trạng các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có cùng chức năng, nhiệm vụ; đối với các cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác không cùng chức năng, nhiệm vụ thì việc thành lập, tổ chức lại, giải thể theo quy định của Chính phủ.

đ) Việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công cùng loại trên địa bàn đơn vị hành chính sau sắp xếp phải bảo đảm phù hợp với quy mô dân số, bán kính phục vụ, quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực, bảo đảm tinh gọn đầu mối, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tại đơn vị hành chính sau sắp xếp thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

1.2. Phương án dự kiến

a) Hợp nhất tổ chức Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của hai địa phương sau sắp xếp theo đúng các quy định, văn bản hướng dẫn của Đảng, nhà nước và Điều lệ của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội.

Nhập tổ chức, chuyển giao chức năng; trước mắt nhập toàn bộ biên chế hiện có; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thực hiện theo Luật tổ chức

chính quyền địa phương và Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15; các cơ cấu Ban Chấp hành, Ban Thường vụ cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra cấp ủy, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo hướng dẫn của Trung ương, trước mắt toàn bộ cơ cấu hiện có của hai địa phương hợp thành cơ cấu của đơn vị hành chính mới; có hướng thực hiện theo quy định chung thông qua công tác cán bộ tại Đại hội đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2025 - 2030, bầu cử nhiệm kỳ 2026 - 2031 và đại hội các tổ chức chính trị - xã hội theo điều lệ.

b) Cơ quan Đảng: Văn phòng Huyện ủy, các ban Đảng: Tổ chức, Kiểm tra, Dân vận, Tuyên giáo, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị của huyện Hớn Quản thực hiện nhập chức năng phục vụ cấp ủy về Thị ủy Bình Long.

- Các Ban của HĐND: Ban Pháp chế; Ban Kinh tế - Xã hội và Ban Dân tộc.

- Cơ quan thuộc UBND huyện Hớn Quản nhập vào thị xã gồm các đơn vị, gồm Văn phòng HĐND - UBND; các Phòng: Giáo dục - Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa - Thông tin, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Nội vụ, Dân tộc, Thanh tra.

- Các đơn vị sự nghiệp gắn với địa giới cấp huyện: nhập tổ chức tương ứng; giữ nguyên các đơn vị đặc thù (nếu có).

c) Đối với các đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn: Các cơ quan ngành dọc trên địa bàn chủ động xây dựng phương án sáp nhập tổ chức tương ứng tại hai địa phương; có phương án tổng thể sắp xếp cán bộ trong cân đối chung toàn ngành; báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định. Đảm bảo ngay sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có thể tiến hành ngay việc sắp xếp nội bộ ngành.

- Chi cục Thống kê thị xã quản lý nhà nước về thống kê các xã, phường thuộc thị xã; Chi cục Thống kê huyện Hớn Quản quản lý nhà nước về thống kê các xã thuộc huyện Hớn Quản cũ.

- Dự kiến thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy, điều động nhân sự, bàn giao toàn bộ nhiệm vụ, tài chính, tài sản đối với Bảo hiểm xã hội huyện Hớn Quản về BHXH tỉnh, không tổ chức đơn vị BHXH cấp huyện đối với thị xã mở rộng, BHXH tỉnh sẽ trực tiếp quản lý, theo dõi và giải quyết chế độ BHXH cho các đơn vị sử dụng lao động, người lao động và người dân trên địa bàn thị xã Bình Long mới.

- Việc bố trí, sắp xếp cán bộ của Công an tỉnh khi sáp nhập huyện mở rộng thị xã căn cứ vào thực trạng cơ cấu đội ngũ lãnh đạo, chỉ huy tại thời điểm sáp nhập. Do đó, sau khi có quyết định sáp nhập, Công an tỉnh sẽ rà soát, đánh giá tổng thể và có phương án bố trí, sắp xếp cán bộ cụ thể, đảm bảo cơ cấu, quy định của ngành công an.

- Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh sẽ xin ý kiến và thực hiện theo sự chỉ đạo của Thủ trưởng Bộ Tư lệnh Quân khu và Thủ trưởng Bộ Quốc phòng về việc sắp xếp nhân sự.

- Việc sắp xếp, kiện toàn bộ máy của Tòa án Nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân được thực hiện đồng thời với việc trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mở rộng thị xã Bình Long theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 và Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm 2014.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC: Thực hiện theo hướng dẫn của tỉnh.

V. PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, TÀI SẢN CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

1. Đối với thị xã Bình Long sau khi mở rộng

1.1. Tổ chức Đảng

Trụ sở Thị ủy: dự kiến sử dụng Trụ sở Huyện ủy Hớn Quản hiện tại đang sử dụng.

1.2. HĐND và UBND thị xã Bình Long

Trụ sở HĐND và UBND (bao gồm cả các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND thị xã): dự kiến sử dụng Trụ sở HĐND và UBND huyện Hớn Quản hiện tại đang sử dụng.

1.3. Ủy ban MTTQ và các đoàn thể (Hội Chữ thập đỏ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân,...)

Dự kiến sử dụng trụ sở hiện tại đang sử dụng của Ủy ban MTTQ và các đoàn thể huyện Hớn Quản.

1.4. Các đơn vị sự nghiệp

- Sự nghiệp Giáo dục đào tạo: Dự kiến giữ nguyên cơ sở hạ tầng của các trường, trường hợp sáp nhập các trường (nếu có) sẽ phân thành các khu và tiếp tục sử dụng như hiện tại để không ảnh hưởng đến việc dạy và học của giáo viên và học sinh.

- Sự nghiệp y tế: dự kiến giữ nguyên cơ sở hạ tầng của 02 Trung tâm y tế cấp huyện và 16 Trạm y tế.

1.5. Trụ sở của các đơn vị khác

- Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị thị xã: dự kiến sử dụng Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị thị xã hiện tại đang sử dụng làm trụ sở làm việc của Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị thị xã mới. Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện Hớn Quản hiện tại đang sử dụng làm cơ sở hoạt động sự nghiệp.

- Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao thị xã: dự kiến sử dụng trụ sở Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao thị xã hiện tại đang sử dụng; Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Hớn Quản làm cơ sở hoạt động sự nghiệp.

- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên: dự kiến sử dụng trụ sở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện Hớn Quản hiện tại đang sử dụng làm cơ sở hoạt động sự nghiệp.

- Các đơn vị khác sau khi rà soát, đánh giá thực trạng và căn cứ vào nhu cầu sử dụng để bố trí sử dụng hợp lý, tránh xuống cấp, lãng phí.

1.6. Các đơn vị ngành dọc trên địa bàn

- Công an thị xã: dự kiến sử dụng trụ sở Công an thị xã Bình Long hiện tại đang sử dụng làm trụ sở làm việc cơ sở 1; sử dụng trụ sở làm việc của Công an huyện Hớn Quản hiện tại đang sử dụng làm trụ sở làm việc cơ sở 2.

- Chi cục Thống kê thị xã: dự kiến sử dụng trụ sở Chi cục Thống kê thị xã hiện tại đang sử dụng làm trụ sở làm việc cơ sở 1; sử dụng trụ sở làm việc của Chi cục Thống kê huyện Hớn Quản hiện tại đang sử dụng làm trụ sở làm việc cơ sở 2.

Ban Chỉ huy Quân sự: dự kiến sử dụng trụ sở của Ban CHQS thị xã hiện đang sử dụng làm trụ sở chính; sử dụng trụ sở của Ban CHQS huyện Hớn Quản hiện tại sử dụng để thực hiện nhiệm vụ Quốc phòng an ninh.

- Tòa án nhân dân: dự kiến tiếp tục sử dụng trụ sở làm việc Tòa án nhân dân thị xã hiện tại đang sử dụng làm trụ sở làm việc; sử dụng trụ sở làm việc của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản hiện tại đang sử dụng làm cơ sở 2 để tiếp công dân, xét xử các loại án phát sinh trên địa bàn huyện Hớn Quản cũ.

Viện Kiểm sát nhân dân: dự kiến tiếp tục sử dụng trụ sở của Viện kiểm sát nhân dân thị xã hiện tại đang sử dụng và trụ sở của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản hiện tại đang sử dụng.

2. Đối với các phường mới thành lập và điều chỉnh địa giới hành chính.

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND và UBND: dự kiến tiếp tục sử dụng Trụ sở HĐND và UBND của các xã, phường, thị trấn hiện nay.

- Về trường học (THCS, Tiểu học và Mầm non): Giữ nguyên như trước khi sắp xếp, thành lập.

- Trạm y tế: dự kiến tiếp tục sử dụng Trạm Y tế hiện đang sử dụng.

- Công an xã: dự kiến tiếp tục sử dụng các phòng làm việc tại trụ sở Công an xã, phường, thị trấn.

3. Việc thực hiện chế độ, chính sách đặc thù đối với đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã hình thành sau sắp xếp

Sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện để mở rộng thị xã Bình Long và thành lập các phường thuộc thị xã Bình Long, căn cứ các quy định hiện hành và hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn, UBND thị xã Bình Long sẽ tiến hành rà soát, công nhận theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định, công nhận việc hưởng các chế độ, chính sách đặc thù, chính sách theo các chương trình mục tiêu quốc gia trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực thi hành.

VI. VĂN BẢN VỀ CHỦ TRƯỞNG, CƠ SỞ PHÁP LÝ THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Chủ trương của Đảng

a) Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

b) Nghị quyết 37-NQ/TW ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ chính trị đề ra mục tiêu: *Sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nhằm tổ chức hợp lý đơn vị hành chính các cấp phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của đất nước; bảo đảm hoàn thiện thể chế về đơn vị hành chính, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Phấn đấu đến năm 2030 các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã được sắp xếp cơ bản phù hợp chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; đáp ứng yêu cầu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong đó, giai đoạn từ năm 2022 - 2030, trên cơ sở tổng kết việc thực hiện giai đoạn 2019 - 2021, xác định lộ trình thực hiện để đến năm 2030 cơ bản hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phù hợp với Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính;*

c) Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

d) Kết luận số 48-KL/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 đề ra nhiệm vụ, giải pháp: *việc sắp xếp phải phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch nông thôn, quy hoạch đô thị; khuyến khích các địa phương chủ động đề xuất sắp xếp đơn vị hành chính tinh gọn, phù hợp với thực tiễn địa phương (kể cả các đơn vị hành chính đã bảo đảm tiêu chuẩn)*

2. Cơ sở pháp lý

a) Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật số 47/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

b) Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15).

c) Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã;

d) Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

đ) Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

e) Các Văn bản của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh về quy hoạch, kế hoạch phát triển đô thị.